

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nguyên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Nguyễn Như Tạ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Giáp - Kiểm Sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 99/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, về việc: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Vĩnh T, sinh năm 1987 – *Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 07, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Chị Võ Thị Mai T, sinh năm 1988 – *Vắng mặt không có lý do.*

Địa chỉ: Thôn 07, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Vĩnh T trình bày:

Anh và chị Võ Thị Mai T kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông. Sau khi kết hôn anh và chị Võ Thị Mai T sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, hay bất đồng về quan điểm sống, chị T thường can thiệp vào công việc

của anh nên vợ chồng hay cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Nay, anh Trần Vĩnh T xét thấy tình cảm giữa anh với chị Võ Thị Mai T thực sự không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, vì vậy anh Thủy yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Võ Thị Mai T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Trần Võ Quỳnh H, sinh ngày 20 -11- 2019. Hiện nay cháu H còn nhỏ và đang ở cùng với chị T nên anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh Trần Vĩnh T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Vĩnh T xác nhận quá trình chung sống anh và chị Võ Thị Mai T không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Võ Thị Mai T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không lấy được lời khai của chị T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc. Đối với bị đơn là chị Võ Thị Mai T vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng Dân sự

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 244 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Vĩnh T đối với chị Võ Thị Mai T, anh Trần Vĩnh T được ly hôn với chị Võ Thị Mai T.

Về con chung: Giao con chung Trần Võ Quỳnh H, sinh ngày 20 -11- 2019 cho chị Võ Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi)

Anh Trần Vĩnh T có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Võ Thị Mai T, cư trú tại: Thôn 7, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án chị T không có mặt tại Tòa án để làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả cho thấy chị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn 07, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hiện nay chị T đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không không biết, tuy nhiên thỉnh thoảng khoảng 15 ngày đến 01 tháng chị T có về nhà tại thôn 07, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông chơi hai đến ba ngày lại đi. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp đã tiến hành thủ

tục niệm yết công khai các văn bản tố tụng đối với chị T theo quy định tại khoản 4 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, anh Trần Vĩnh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Vĩnh T và chị Võ Thị Mai T theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của anh Trần Vĩnh T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T và chị Võ Thị Mai T kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống các đương sự xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị T thường xuyên can thiệp vào công việc của anh T nên vợ chồng hay cãi vã, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân giữa các đương sự vẫn không được cải thiện, cuộc sống không hạnh phúc.

Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Vĩnh T cương quyết ly hôn, anh xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với chị Võ Thị Mai T được nữa. Xét tình trạng quan hệ hôn nhân giữa các đương sự có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trần Vĩnh T xin ly hôn đối với chị Võ Thị Mai T.

[3]. Về con chung: Anh Trần Vĩnh T và chị Võ Thị Mai T có 01 con chung là Trần Võ Quỳnh H, sinh ngày 20 -11- 2019 hiện nay đang do chị T nuôi nên anh T đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành.

Xét thấy, hiện nay cháu Trần Võ Quỳnh H còn nhỏ, chị T là người đang nuôi dưỡng cháu H và anh T cũng đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt của con chung Trần Võ Quỳnh H vì vậy cần giao con chung của đương sự cho chị Võ Thị Mai T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị Mai T không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng nên không xác định được T có yêu cầu anh Trần Vĩnh T cấp dưỡng nuôi con chung hay không, trong trường hợp chị T có yêu cầu anh Trần Vĩnh T cấp dưỡng nuôi con chung thì sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Vĩnh T xác nhận vợ chồng anh không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Trần Vĩnh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 244 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Vĩnh T đối với chị Võ Thị Mai T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Vĩnh T được ly hôn với chị Võ Thị Mai T

1.2. Về con chung: Giao con chung Trần Võ Quỳnh H, sinh ngày 20 -11- 2019 cho chị Võ Thị Mai T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung Trần Võ Quỳnh H đủ 18 (mười tám) tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Anh Trần Vĩnh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004710 ngày 19 tháng 4 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'lấp;
- UBND xã Kiên Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nguyên

